

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (ĐHSP-ĐHĐN).
- Tên tiếng Anh: The University of Danang, University of Education (UED).

2. Địa chỉ trụ sở chính và địa chỉ hoạt động khác, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử

- Địa chỉ: số 459 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 0236 3841 323
- Email: ued@ued.udn.vn
- Website: <https://ued.udn.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- **Sứ mệnh:** Trường ĐHSP-ĐHĐN có sứ mệnh sáng tạo và truyền bá tri thức trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và khoa học giáo dục, với trọng tâm đào tạo giáo viên và phục vụ cộng đồng vì sự phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa, địa bàn trọng điểm là vùng Bắc Trung bộ, Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên.

- **Tầm nhìn:** Đến năm 2030, Trường ĐHSP-ĐHĐN trở thành 01 trong 03 trung tâm hàng đầu Việt Nam về đào tạo và nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; là điểm kết nối văn hóa - khoa học - giáo dục của khu vực Đông Nam Á. Đến năm 2045, Trường trở thành đại học bền vững và đổi mới sáng tạo đặc sắc.

- **Giá trị cốt lõi:** Tôn trọng sự đa dạng - Trân trọng sự cống hiến - Quý trọng sự sáng tạo.

- Màu sắc đại diện:

- + *Xanh lục:* đại diện cho khoa học tự nhiên, tượng trưng cho sự “hài hòa”;
- + *Xanh dương:* đại diện cho khoa học xã hội - nhân văn, tượng trưng cho “hòa bình”;
- + *Vàng:* đại diện cho khoa học giáo dục, tượng trưng cho “hạnh phúc”.

- **Phương châm hành động:** Kiên định mục tiêu - Kiên trì thực hiện - Kiên quyết đổi mới.

- **Nguyên tắc hành động:** Tư duy cá nhân - Trí tuệ tập thể - Trách nhiệm cộng hưởng.

- **Tiếp cận giảng dạy:** Định hướng - Huấn luyện - Đánh giá.

- **Tiếp cận học tập:** Thấu hiểu nguyên lý - Vận dụng hợp lý - Sáng tạo không ngừng.

- **Thông điệp giáo dục:** Truyền cảm hứng.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường ĐHSP-ĐHĐN được thành lập từ những cơ sở giáo dục - đào tạo tiền thân sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; đến nay, Trường ĐHSP-ĐHĐN đã trải qua hành trình 50 năm kết nối và phát triển. Trong cuộc hành trình 05 thập kỷ qua, các thế hệ thầy và trò Trường ĐHSP-ĐHĐN đã vượt qua bao khó khăn thử thách để vươn lên trong giảng dạy và học tập để đưa Nhà trường trở thành một trong những trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia.

Trường ĐHSP-ĐHĐN được thành lập theo Nghị định 32/CP của Chính phủ, trên cơ sở tổ chức và sắp xếp lại các đơn vị: Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam - Đà Nẵng, cơ sở Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Đà Nẵng, bộ môn cơ bản của Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, bộ môn văn hóa của Trường Công nhân kỹ thuật Nguyễn Văn Trỗi.

Lúc này, Trường ĐHSP-ĐHĐN là một trường thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp, đào tạo cử nhân khoa học và đào tạo sau đại học; giảng dạy các bộ môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên của Đại học Đà Nẵng. Đồng thời là trung tâm nghiên cứu khoa học giáo dục và triển khai công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phố miền Trung - Tây Nguyên.

Dấu mốc trở thành một thành viên của ĐHĐN năm 1994 đã mở ra cho Trường ĐHSP-ĐHĐN một trang sử mới với tinh thần đổi mới, hội nhập và phát triển. Đến nay, Trường ĐHSP-ĐHĐN đã phát triển vượt bậc, khẳng định vị thế của một học hiệu uy tín, chất lượng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Tháng 4/2016, Trường ĐHSP-ĐHĐN đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng đào tạo. Đây là trường đại học đầu tiên trong cả nước được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục

Nhà trường cũng đa dạng hóa và mở rộng loại hình đào tạo. Bên cạnh đào tạo đại học bậc chính quy với 34 chương trình đào tạo (CTĐT), Nhà trường cũng mở rộng đào tạo sau đại học với tổng cộng 25 CTĐT thạc sĩ và 10 CTĐT nghiên cứu sinh. Đào tạo hệ vừa làm vừa học cũng như đào tạo lưu học sinh nước ngoài cũng được đặc biệt quan tâm. Công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế cũng có những bước tiến mới.

Qua 50 năm xây dựng, phát triển và 30 năm là thành viên của ĐHĐN, Trường ĐHSP-ĐHĐN đã đào tạo được hàng ngàn thạc sĩ và tiến sĩ, hơn chục ngàn cử nhân sư phạm và cử nhân khoa học.

Trường ĐHSP-ĐHĐN đã vinh dự được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (1992), Huân chương Lao động hạng Nhì (2002), Huân chương Lao động hạng Nhất (2015) cùng nhiều bằng khen khác của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng...

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

- Người được ủy quyền phát ngôn: ThS. Nguyễn Vinh San.
- Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính.
- Điện thoại: 0935 292 264.
- Email: nvsan@ued.udn.vn.

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập ĐHĐN: Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập ĐHĐN bao gồm Trường ĐHSP.

7.2. Hội đồng trường:

- Quyết định thành lập: Quyết định số 3863/QĐ-HĐĐH ngày 05/11/2020 của Hội đồng ĐHĐN về việc công nhận Hội đồng trường Trường ĐHSP-ĐHĐN;

- Phó Chủ tịch Hội đồng trường: PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh (Nghị quyết số 21/NQ-HĐT ngày 15/8/2024 của Hội đồng trường Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc bổ nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐHSP-ĐHĐN nhiệm kỳ 2020 - 2025);

- Danh sách thành viên Hội đồng trường (HĐT) Trường ĐHSP-ĐHĐN nhiệm kỳ 2020 - 2025:

STT	Họ và tên		Chức vụ
1	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Phó Chủ tịch HĐT
2	Võ Văn	Minh	Thành viên HĐT
3	Phan Đức	Tuấn	Thành viên HĐT
4	Nguyễn Văn	Hiếu	Thành viên HĐT
5	Hồ Trần Ngọc	Oanh	Thư ký HĐT
6	Lưu	Trang	Thành viên HĐT
7	Nguyễn Thanh	Tường	Thành viên HĐT
8	Trần Xuân	Bách	Thành viên HĐT
9	Nguyễn Duy	Phương	Thành viên HĐT
10	Huỳnh	Bọng	Thành viên HĐT
11	Lê Quang	Sơn	Thành viên HĐT
12	Lê Thị Bích	Thuận	Thành viên HĐT
13	Vũ Thị Bích	Hậu	Thành viên HĐT
14	Trương Thị Hồng	Hạnh	Thành viên HĐT
15	Bùi Công	Chánh	Thành viên HĐT
16	Trần Quốc	Tuấn	Thành viên HĐT
17	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Thành viên HĐT

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN:

- PGS.TS. Võ Văn Minh - Hiệu trưởng (Quyết định số 5626/QĐ-ĐHĐN ngày 29/12/2023 của Giám đốc ĐHĐN về việc công nhận Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN, nhiệm kỳ 2020 - 2025);

- TS. Phan Đức Tuấn - Phó Hiệu trưởng (Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 01/4/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc bổ nhiệm chức

vụ Phó Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN nhiệm kỳ 2020 - 2025);

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu - Phó Hiệu trưởng (Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 15/4/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN nhiệm kỳ 2020 - 2025);

- TS. Đinh Thị Mỹ Hạnh - Phó Hiệu trưởng (Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 17/01/2025 của Chủ tịch Hội đồng trường ĐHSP-ĐHĐN về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN nhiệm kỳ 2020 - 2025).

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSP-ĐHĐN

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSP-ĐHĐN (ban hành theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSP-ĐHĐN; căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 06/5/2024, Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 03/3/2025 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐT ngày 03/4/2025 của Hội đồng trường Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSP-ĐHĐN), cụ thể:

- Chức năng:

Trường ĐHSP-ĐHĐN là cơ sở giáo dục thành viên trực thuộc ĐHĐN. Trường có chức năng đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và cử nhân khoa học có trình độ đại học và sau đại học; là cơ sở bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học về các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn trong khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà trường được thực hiện theo Điều lệ Trường Đại học. Cụ thể:

+ Xác định tầm nhìn, xây dựng chiến lược và kế hoạch tổng thể phát triển Nhà trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm;

+ Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục; cấp văn bằng, chứng chỉ theo thẩm quyền;

+ Quản lý viên chức và người lao động; xây dựng đội ngũ giảng viên của Trường đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu độ tuổi và giới, đạt chuẩn về trình độ được đào tạo; tham gia vào quá trình điều động của ĐHĐN và cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền đối với nhà giáo, cán bộ, nhân viên;

+ Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong đội ngũ viên chức, người lao động và người học của Trường;

+ Quản lý trực tiếp người học;

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; sử dụng nguồn thu từ hoạt động chuyên môn và các nguồn tài trợ khác để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường, đầu tư cho con người và chi cho các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật;

+ Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa;

+ Phối hợp với gia đình người học, các tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục và đào tạo;

+ Tổ chức cho viên chức, người lao động và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành nghề đào tạo và nhu cầu của xã hội;

+ Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền; xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường;

+ Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; tham gia giải quyết những vấn đề về kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước; thực hiện dịch vụ đào tạo và khoa học theo quy định của pháp luật;

+ Liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, gắn đào tạo với sử dụng, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho Nhà trường;

+ Xây dựng, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu về đội ngũ viên chức, người lao động các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ và hợp tác quốc tế của Nhà trường về quá trình học tập và phát triển sau tốt nghiệp của người học; tham gia dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực đào tạo của Trường;

+ Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của Nhà trường;

+ Được ĐHĐN giao đất, giao cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế, vay tín dụng theo quy định của pháp luật;

+ Chấp hành pháp luật về giáo dục; thực hiện xã hội hóa giáo dục;

+ Giữ gìn, phát triển di sản và bản sắc văn hóa dân tộc;

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường gồm có:

- Hội đồng trường;

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

- Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục;

- Phòng chức năng (08 phòng);

- Khoa chuyên môn (08 khoa);

- Các Trung tâm trực thuộc (04 trung tâm);

- Tạp chí Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục.

Chi tiết các đơn vị thuộc và trực thuộc trường:

a) Phòng Tổ chức

- **Chức năng:** tham mưu và giúp Hiệu trưởng thực hiện các mảng công tác: quản trị nguồn nhân lực; thanh tra - pháp chế; phục vụ Hội đồng trường, công tác Đảng và các đoàn thể.

- Nhiệm vụ

+ Công tác tổ chức - nhân sự: xây dựng và thực hiện đề án vị trí việc làm; sắp xếp, thành lập các đơn vị; thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; luân chuyển, tiếp nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch; thực hiện các chế độ, chính sách, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, khen thưởng, kỉ luật và tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng của viên chức và người lao động trong Nhà trường.

+ Công tác thanh tra; kiểm tra; tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố

cáo, kiến nghị phản ánh và phòng, chống tham nhũng tiêu cực: thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, nội quy, quy định của Nhà trường và các đơn vị có liên quan; kiểm tra, giám sát tính pháp lý các văn bản do Nhà trường ban hành; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; bảo đảm an ninh và an toàn trong phạm vi Nhà trường.

+ Phục vụ Hội đồng trường: điều hành cán bộ phụ trách các văn phòng Đảng ủy và các đoàn thể, phụ trách công tác thăm hỏi, hiếu hỉ của Nhà trường.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

b) Phòng Hành chính

- **Chức năng:** tham mưu và giúp Hiệu trưởng thực hiện các mảng công tác: công tác văn phòng; lễ tân - khánh tiết, truyền thông; cảnh quan môi trường.

- Nhiệm vụ:

+ Công tác văn phòng: kế hoạch; văn thư - lưu trữ; thống kê, tổng hợp; báo cáo; quản lý phôi, chứng chỉ, chứng nhận; chuyển đổi số; truyền thông;

+ Lễ tân - khánh tiết: đón tiếp khách trong nước, phục vụ giảng đường, phòng nước, cảnh quan và vệ sinh môi trường;

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

c) Phòng Đào tạo

- **Chức năng:** tham mưu và giúp Hiệu trưởng thực hiện quản lý các hoạt động đào tạo trong toàn Trường, ngoại trừ việc quản lý đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài.

- Nhiệm vụ:

+ Tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học và sau đại học.

+ Tuyển sinh và hợp tác liên kết; phát triển và tổ chức, quản lý đào tạo ngắn hạn đối với người học trong nước.

+ Phát triển chương trình đào tạo và quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ của Trường.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

d) Phòng Quản lý người học - Thư viện

- **Chức năng:** tham mưu và giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; quản lý các hoạt động liên quan đến người học; quản lý y tế; kết nối cựu người học, cựu giáo chức và phụ trách “UED Museum”.

- Nhiệm vụ:

+ Tổ chức và quản lý các hoạt động liên quan đến giáo dục chính trị, tư tưởng cho người học; kết nối mạng lưới cựu người học; cựu giáo chức; phát triển “UED Museum”.

+ Tổ chức và quản lý các hoạt động liên quan đến người học.

+ Quản lý công tác y tế; vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

đ) Phòng Khoa học - Công nghệ thông tin - Hợp tác quốc tế

- **Chức năng:** tham mưu và giúp Hiệu trưởng thực hiện quản lý hoạt động khoa

học, công nghệ; quản lý tạp chí và ấn phẩm khoa học; quản lý hoạt động hợp tác với các đối tác ngoài nước; quản lý đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài.

- Nhiệm vụ:

+ Tổ chức thực hiện và quản lý hoạt động khoa học, công nghệ; quản lý tạp chí và ấn phẩm khoa học.

+ Quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế; dịch thuật; truyền thông quốc tế.

+ Tổ chức và quản lý đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

e) Phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng

- Chức năng: tham mưu và giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục.

- Nhiệm vụ:

+ Tổ chức và quản lý các hoạt động khảo thí.

+ Tổ chức và quản lý các hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục.

+ Thực hiện nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

g) Phòng Cơ sở vật chất

- Chức năng: tham mưu và giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác quản lý đầu tư, phát triển cơ sở vật chất, quản lý tài sản.

- Nhiệm vụ:

+ Tổ chức và quản lý các dự án đầu tư phát triển cơ sở vật chất.

+ Quản lý tài sản; quản trị cơ sở vật chất, phần cứng hạ tầng công nghệ thông tin.

+ Phòng cháy, chữa cháy; phòng chống thiên tai và bảo hộ an toàn lao động.

+ Quản lý các dịch vụ liên quan đến tài sản công, mua sắm trang thiết bị.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

h) Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Chức năng: tham mưu và giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác kế hoạch, quản lý và sử dụng nguồn tài chính.

- Nhiệm vụ:

+ Tổ chức và quản lý công tác xây dựng kế hoạch tài chính.

+ Quản lý hiệu quả nguồn tài chính phục vụ vận hành và phát triển Nhà trường.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

7.5 Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên:

STT	Tên đơn vị	Thời gian	Quyết định
I. Đơn vị chức năng			
1	Phòng Tổ chức	15/7/2024	Số 17/NQ-HĐT
2	Phòng Hành chính	15/7/2024	Số 17/NQ-HĐT
3	Phòng Đào tạo	12/11/2014	Số 6649/QĐ-ĐHĐN
4	Phòng Quản lý người học - Thư viện	17/3/2025	Số 23/NQ-HĐT

5	Phòng Khoa học - Công nghệ thông tin - Hợp tác quốc tế	17/3/2025	Số 22/NQ-HĐT
6	Phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng	12/11/2014	Số 6649/QĐ-ĐHĐN
7	Phòng Cơ sở vật chất	10/4/2017	Số 1216/QĐ-ĐHĐN
8	Phòng Kế hoạch - Tài chính	12/11/2014	Số 6649/QĐ-ĐHĐN
II. Đơn vị đào tạo			
1	Khoa Toán - Tin	17/3/2025	Số 17/NQ-HĐT
2	Khoa Lý - Hóa	17/3/2025	Số 18/NQ-HĐT
3	Khoa Sinh - Nông nghiệp - Môi trường	17/3/2025	Số 14/NQ-HĐT
4	Khoa Ngữ văn - Truyền thông	17/3/2025	Số 15/NQ-HĐT
5	Khoa Sử - Địa - Chính trị	17/3/2025	Số 19/NQ-HĐT
6	Khoa Tâm lý - Giáo dục - Công tác xã hội	17/3/2025	Số 16/NQ-HĐT
7	Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non	17/3/2025	Số 20/NQ-HĐT
8	Khoa Giáo dục Nghệ thuật - Thể chất	27/5/2024	Số 1056/QĐ-ĐHSP
III. Đơn vị nghiên cứu dịch vụ			
1	Trung tâm Tin học	09/12/2021	Số 23/NQ-HĐT
2	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp	08/4/2010	Số 1456/QĐ-ĐHĐN
3	Trung tâm Tiếng Việt và Văn hóa Việt	17/3/2025	Số 13/NQ-HĐT
4	Trung tâm Nghiên cứu Phát triển chương trình	17/3/2025	Số 21/NQ-HĐT
5	Tạp chí Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục	15/8/2011	Số 1282/GP-BTTTT

7.6. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc:

- Nơi làm việc: Trường ĐHSP-ĐHĐN, số 459 Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

- Điện thoại: +84 236 3841 323.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Địa chỉ email
I	Tập thể Lãnh đạo Trường		
1	Nguyễn Thị Trâm Anh	Bí thư Đảng ủy - Phó Chủ tịch Hội đồng trường	nttanh@ued.udn.vn
2	Võ Văn Minh	Hiệu trưởng	vvminh@ued.udn.vn
3	Phan Đức Tuấn	Phó Hiệu trưởng	pdtuan@ued.udn.vn
4	Nguyễn Văn Hiếu	Phó Hiệu trưởng	nvhieu@ued.udn.vn
5	Đinh Thị Mỹ Hạnh	Phó Hiệu trưởng	dtmhanh@ued.udn.vn
II	Các đơn vị trực thuộc		

Các đơn vị chức năng			
1	Nguyễn Văn Đông	Trưởng phòng Tổ chức	nvdong@ued.udn.vn
2	Nguyễn Vinh San	Trưởng phòng Hành chính	nvsan@ued.udn.vn
3	Trần Đức Mạnh	Trưởng phòng Đào tạo	tdmanh@ued.udn.vn
4	Trương Trung Phương	Trưởng phòng Quản lý người học - Thư viện	ttphuong@ued.udn.vn
5	Nguyễn Minh Lý	Trưởng phòng Khoa học - Công nghệ thông tin - HTQT	nmly@ued.udn.vn
6	Trần Đoàn Vũ	Trưởng phòng Cơ sở vật chất	tdvu@ued.udn.vn
7	Nguyễn Văn Khánh	Quyền Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	nvkhanh@ued.udn.vn
8	Trương Văn Thanh	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Khảo thí - BDCL	tvthanh@ued.udn.vn
Các khoa đào tạo			
9	Phạm Quý Mười	Trưởng khoa Toán - Tin	pqmuoi@ued.udn.vn
10	Nguyễn Quý Tuấn	Trưởng khoa Lý - Hóa	nqtuan@ued.udn.vn
11	Trịnh Đăng Mậu	Trưởng khoa Sinh - Nông nghiệp - Môi trường	tdmau@ued.udn.vn
12	Trần Văn Sáng	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Ngữ văn - Truyền thông	tvsang@ued.udn.vn
13	Nguyễn Duy Phương	Trưởng khoa Sử - Địa - Chính trị	ndphuong@ued.udn.vn
14	Lê Mỹ Dung	Trưởng khoa Tâm lý - Giáo dục - Công tác xã hội	lmdung@ued.udn.vn
15	Võ Thị Bảy	Trưởng khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non	vtbay@ued.udn.vn
16	Trương Quang Minh Đức	Trưởng khoa Giáo dục Nghệ thuật - Thể chất	tqmduc@ued.udn.vn
Các trung tâm nghiên cứu và dịch vụ			
17	Trương Văn Thanh	Giám đốc Trung tâm Tin học	tvthanh@ued.udn.vn
18	Nguyễn Việt Hải Hiệp	Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp	nvhhiep@ued.udn.vn
19	Nguyễn Văn Sang	Giám đốc Trung tâm tiếng Việt và Văn hóa Việt	nvsang@ued.udn.vn
20	Đàm Minh Anh	Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng phát triển chương trình	dmanh@ued.udn.vn
21	Lưu Trang	Tổng Biên tập Tạp chí Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục	ltrang@ued.udn.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển Trường ĐHSP-ĐHĐN đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường ĐHSP-ĐHĐN).

- Quy chế dân chủ ở cơ sở: Quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHSP-ĐHĐN (theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐT ngày 09/12/2021 của Hội đồng trường Trường ĐHSP-ĐHĐN).

- Các Nghị quyết của Hội đồng trường:

STT	Số ký hiệu	Ngày tháng	Tên loại và trích yếu nội dung văn bản
1	01/NQ-HĐT	23/01/2024	Nghị quyết thông qua đề xuất mức thu học phí và báo cáo các mức thu dịch vụ năm học 2023 - 2024
2	02/NQ-HĐT	31/01/2024	Nghị quyết thôi giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng nhiệm kỳ 2019 - 2024
3	03/NQ-HĐT	11/3/2024	Nghị quyết thông qua tờ trình phê duyệt danh mục thiết bị danh mục thiết bị, phần mềm ứng dụng của Phòng thí nghiệm
4	04/NQ-HĐT	27/3/2024	Nghị quyết đề nghị phê duyệt chủ trương bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng
5	05/NQ-HĐT	27/3/2024	Nghị quyết phiên họp thứ XVI Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 - 2025
6	06/TTr-HĐT	27/3/2024	Tờ trình đề nghị phê duyệt chủ trương kiện toàn Hội đồng trường
7	07/NQ-HĐT	15/4/2024	Nghị quyết bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020 - 2025
8	08/NQ-HĐT	06/5/2024	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
9	09/NQ-HĐT	06/5/2024	Nghị quyết đổi tên Khoa Giáo dục Nghệ thuật thuộc Trường Đại học Sư phạm thành Khoa Giáo dục Nghệ thuật và Thể chất
10	10/NQ-HĐT	06/5/2024	Nghị quyết thông qua đề án nhân sự bầu bổ sung thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020 - 2025
11	11/NQ-HĐT	09/5/2024	Nghị quyết bổ sung thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
12	12/NQ-HĐT	03/7/2024	Nghị quyết phê duyệt mua sắm sửa chữa hoạt động thường xuyên (ô tô)
13	13/NQ-HĐT	03/7/2024	Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch đầu tư trung hạn 2026 - 2030
14	14/NQ-HĐT	15/7/2024	Nghị quyết phiên họp thứ XVII Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 - 2025
15	15/NQ-HĐT	15/7/2024	Nghị quyết thông qua đề xuất mức thu học phí và báo cáo các mức dịch vụ năm học 2024 - 2025, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước
16	16/NQ-HĐT	15/7/2024	Nghị quyết thống nhất kết quả bầu bà Nguyễn Thị Trâm Anh giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng trường

17	17/NQ-HĐT	15/7/2024	Nghị quyết chủ trương thành lập Phòng Tổ chức và Phòng Hành chính trên cơ sở tách Phòng Tổ chức - Hành chính
18	18/NQ-HĐT	15/7/2024	Nghị quyết chủ trương sáp nhập Tổ Công nghệ thông tin và Trung tâm Học liệu và E-Learning và đổi tên thành Trung tâm Học liệu và Công nghệ thông tin
19	19/NQ-HĐT	08/8/2024	Nghị quyết phê duyệt chủ trương miễn nhiệm thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020 - 2025
20	20/NQ-HĐT	08/8/2024	Nghị quyết giới thiệu người học tham gia thành viên Hội đồng trường
21	21/NQ-HĐT	15/8/2024	Nghị quyết bổ nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020 - 2025
22	22/KH-HĐT	20/9/2024	Kế hoạch Giám sát của Hội đồng trường năm 2024
23	23/NQ-HĐT	07/10/2024	Nghị quyết phiên họp thứ XVIII Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 - 2025
24	24/NQ-HĐT	06/12/2024	Nghị quyết đánh giá hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và Hội đồng trường đánh giá xếp loại các Phó Hiệu trưởng, Thư ký Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm
25	25/NQ-HĐT	06/12/2024	Nghị quyết bổ nhiệm lại nhân sự kiêm nhiệm Kế toán trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
26	26/NQ-HĐT	06/12/2024	Nghị quyết bổ sung thành viên Hội đồng trường là đại diện người học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
27	27/BC-HĐT	13/12/2024	Báo cáo giám sát của Hội đồng trường theo Kế hoạch số 22/KH-HĐT
28	28/NQ-HĐT	30/12/2024	Nghị quyết bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020 - 2025
29	28/NQ-HĐT	30/12/2024	Nghị quyết miễn nhiệm thành viên Hội đồng trường là đại diện người học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính và các quy định, quy chế nội bộ khác của Trường ĐHSP-ĐHĐN được công khai và cập nhật trên website Trường ở mục Công khai: <https://ued.udn.vn/cong-khai/cong-khai-hang-nam/>

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng được công khai tại website Trường ở nội dung Thông báo: <https://ued.udn.vn/thong-bao/thong-bao-ve-viec-tuyen-dung-vien-chuc-nam-2024-1419.html> (Kế hoạch số 1640/KH-ĐHSP ngày 04/10/2024 của Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc tuyển dụng viên chức năm 2024 và Thông báo số

1663/TB-ĐHSP ngày 08/10/2024 của Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc tuyển dụng viên chức năm 2024).

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian ¹

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	42,62	38,57
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	98.35%	99.60%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	62.13%	58.66%

(Ghi chú: số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo²

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
I	Giảng viên toàn thời gian						
1	Khối ngành I	49	-	28	21	-	-
2	Khối ngành II	06	-	06	-	-	-
3	Khối ngành IV	69	-	19	43	07	-
4	Khối ngành V	37	-	08	26	03	-
5	Khối ngành VII	76	-	31	42	04	-
II	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
1	Khối ngành I	01	-	-	-	01	-
2	Khối ngành II	-	-	-	-	-	-
3	Khối ngành IV	-	-	-	-	-	-
4	Khối ngành V	-	-	-	-	-	-
5	Khối ngành VII	04	-	-	-	04	-

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ³

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	21	23
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	20	20
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	82/243	84/254

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

¹ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 2 (giảng viên) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành kèm theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

² Các số liệu thống kê bảo đảm thống nhất với quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT.

³ Chỉ tính cán bộ quản lý và nhân viên các đơn vị hành chính phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ hỗ trợ cán bộ và sinh viên; không tính các đơn vị sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hạch toán riêng.

4. Thống kê đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng hằng năm⁴

TT	Nội dung đào tạo	Số lượng			Hình thức	Thời gian đào tạo (từ - đến)
		Cán bộ quản lý	Giảng viên	Chuyên viên, nhân viên		
1	Tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý	50			Trực tiếp	Tháng 6 năm 2024
2	Tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho viên chức - người lao động			85	Trực tiếp	Tháng 8 năm 2024
3	Tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho viên chức - người lao động		40		Trực tiếp	Tháng 8 năm 2024

(Ghi chú: hình thức đào tạo: trực tiếp, trực tuyến, tập trung, không tập trung; số liệu tính đến hết ngày 30 tháng 6 hằng năm)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁵

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Diện tích đất/người học (m ²)	4.6 m ² (47585/10357)	4.6 m ² (47585/10357)
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	4.0 m ² (41322/10357)	4.0 m ² (41322/10357)
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	20%	20%
4	Số sách/ngành đào tạo	520,167	514,767
5	Số bản sách/người học (gồm cả sách giáo trình và sách chuyên khảo)	10	10
6	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	3	2
7	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	68,63%	68,63%
8	Tốc độ internet/1.000 người học (Mbps)	229,2	229,2

(Ghi chú: số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

⁴ Công khai theo điểm c, khoản 3, Điều 6.

⁵ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 3 (cơ sở vật chất) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu⁶

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Số lượng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Số 459 Tôn Đức Thắng, Liên Chiểu, Đà Nẵng	01	Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ giáo dục, đào tạo và NCKH	Sử dụng riêng	47585	41322
2	Cơ sở đào tạo	Số 459 Tôn Đức Thắng, Liên Chiểu, Đà Nẵng	27	Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ giáo dục, đào tạo và NCKH	Sử dụng riêng	16839	42972
2.1	Giảng đường A5	-nt-	01	-nt-	-nt-	1092	6550
2.2	Giảng đường A6	-nt-	01	-nt-	-nt-	778	3888
2.3	Giảng đường B3	-nt-	01	-nt-	-nt-	1012	5060
2.4	Giảng đường B3 (nổi dãi)	-nt-	01	-nt-	-nt-	289	1446
2.5	Giảng đường A1	-nt-	01	-nt-	-nt-	385	769
2.6	Giảng đường B4	-nt-	01	-nt-	-nt-	756	756
2.7	Giảng đường C4	-nt-	01	-nt-	-nt-	357	714
2.8	Giảng đường C3	-nt-	01	-nt-	-nt-	630	1260
2.9	Nhà B7	-nt-	01	-nt-	-nt-	216	216
2.10	Nhà B8	-nt-	01	-nt-	-nt-	252	252
2.11	Nhà Hiệu bộ A	-nt-	01	-nt-	-nt-	288	864
2.12	Nhà A2	-nt-	01	-nt-	-nt-	384	1152
2.13	Nhà B1	-nt-	01	-nt-	-nt-	593	1780
2.14	Nhà B2	-nt-	01	-nt-	-nt-	562	1685
2.15	Trung tâm học liệu	-nt-	01	-nt-	-nt-	665	1330
2.16	Nhà tập đa năng	-nt-	01	-nt-	-nt-	1740	1740
2.17	Nhà lưới SMT	-nt-	01	-nt-	-nt-	161	161
2.18	Khuôn viên và khu phụ trợ	-nt-	10	-nt-	-nt-	6294	13349
	Nhà xe cán bộ, SV	-nt-	01	-nt-	-nt-	2071	2071
	Nhà xe KTX	-nt-	01	-nt-	-nt-	530	530
	Ký túc xá 1	-nt-	01	-nt-	-nt-	540	2700
	Ký túc xá 2	-nt-	01	-nt-	-nt-	721	3604
	Ký túc xá 3	-nt-	01	-nt-	-nt-	458	2290
	Căn tin A6	-nt-	01	-nt-	-nt-	120	120
	Căn tin B1		01	-nt-	-nt-	120	240
	Căn tin B2		01	-nt-	-nt-	60	120
	Nhà thường trực		01	-nt-	-nt-	24	24
	Hồ sen		01	-nt-	-nt-	1650	1650

⁶ Diện tích đất và diện tích sàn được xác định theo quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Số lượng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
2.19	Phân hiệu tại...	-	-	-	-	-	-
2.20	Cơ sở 2 tại...	-	-	-	-	-	-
3	Các phòng chia theo chức năng	Số 459 Tôn Đức Thắng, Liên Chiểu, Đà Nẵng	241	Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ giáo dục, đào tạo và NCKH	Riêng		30505
3.1	Phòng thí nghiệm	-nt-	38	Đào tạo, NCKH	-nt-		2285
3.2	Phòng thực hành máy tính	-nt-	07	Đào tạo, NCKH	-nt-		812
3.3	Nhà lưới (SMT)	-nt-	01	Đào tạo, NCKH	-nt-	161	161
3.4	Phòng học	-nt-	127	Phục vụ giáo dục và đào tạo	-nt-		13231
3.5	Phòng học đa phương tiện	-nt-	06	Phục vụ giáo dục và đào tạo	-nt-		560
3.6	Nhà tập đa năng	-nt-	01	Phục vụ giáo dục và đào tạo	-nt-	1740	1740
3.7	Trung tâm học liệu	-nt-	01	Phục vụ giáo dục và đào tạo	-nt-	665	1330
3.8	Hội trường	-nt-	01	Phục vụ giáo dục và đào tạo	-nt-		1162
3.9	Sân vận động	-nt-	06	Phục vụ giáo dục và đào tạo	-nt-	3438	3438
	<i>Sân bóng đá cỏ nhân tạo</i>	-nt-	03	<i>Phục vụ giáo dục và đào tạo</i>	-nt-	2376	2376
	<i>Sân bóng chuyền</i>	-nt-	02	<i>Phục vụ giáo dục và đào tạo</i>	-nt-	600	600
	<i>Sân bóng rổ</i>	-nt-	01	<i>Phục vụ giáo dục và đào tạo</i>	-nt-	462	462
3.10	Các phòng chức năng	-nt-	53	Phục vụ giáo dục và đào tạo	-nt-		5786
	<i>Phòng Y tế</i>	-nt-	01	<i>Phục vụ giáo dục và đào tạo</i>	-nt-		60

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Số lượng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
	<i>Đoàn Thanh niên</i>	<i>-nt-</i>	<i>01</i>	<i>Phục vụ giáo dục và đào tạo</i>	<i>-nt-</i>		<i>100</i>
	<i>VP làm việc + khu hiệu bộ (đã cộng VP khoa GDNT và Phòng TK GDNT+Phòng PGS+Phòng CNTT)</i>	<i>-nt-</i>	<i>27</i>	<i>Phục vụ giáo dục và đào tạo</i>	<i>-nt-</i>		<i>3846</i>
	<i>VP Khoa + Phòng Trưởng khoa</i>	<i>-nt-</i>	<i>24</i>	<i>Phục vụ giáo dục và đào tạo</i>	<i>-nt-</i>		<i>1780</i>

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

TT	Tên cơ sở/chương trình đào tạo	Tên tổ chức kiểm định	Năm đánh giá	Kết quả đánh giá/công nhận	Số công nhận	Nội dung	Thời gian hiệu lực	
							Từ ngày	Đến ngày
1	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	10/2015	82%	01/NKHĐKĐCL, 30/01/2016	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	23/3/2016	23/3/2021
2	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục		12/2021	84,96%	40/NQ-HĐKĐCL 24/02/2022	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	11/3/2022	11/3/2027

(Ghi chú: Kết quả đánh giá: Kết quả nhận được/Kết quả tối đa; Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7140211	Sư phạm Vật lí	CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Vật lí	AUN-QA(*)	2019-2024
2	7480201	Công nghệ Thông tin	CTĐT trình độ đại học ngành Công nghệ Thông tin	VCEA(*)	2021-2026
3	7420201	Công nghệ Sinh học	CTĐT trình độ đại học ngành Công nghệ Sinh học	VCEA(*)	2021-2026
4	7310401	Tâm lí học	CTĐT trình độ đại học ngành Tâm lí học	VCEA(*)	2021-2026
5	7140205	Giáo dục Chính trị	CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị	VCEA(*)	2022-2027
6	7140202	Giáo dục Tiểu học	CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học	VCEA(*)	2022-2027
7	7140218	Sư phạm Lịch sử	CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử	VCEA(*)	2022-2027
8	7140219	Sư phạm Địa lý	CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Địa lý	VNU(*)	2023-2028
9	7140201	Giáo dục Mầm non	CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non	VNU(*)	2023-2028
10	7140221	Sư phạm Âm nhạc	CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Âm nhạc	VNU(*)	2023-2028

11	7760101	Công tác xã hội	CTĐT trình độ đại học ngành Công tác xã hội	VNU(*)	2023-2028
12	7140209	Sư phạm Toán	CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Toán	AUN-QA(*)	2022-2027
13	7140212	Sư phạm Hóa học	CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học	AUN-QA(*)	2022-2027
14	714027	Sư phạm Ngữ văn	CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn	AUN-QA(*)	2022-2027
15	8140111	Lý luận &PPDHBM Vật lý	CTĐT trình độ Thạc sĩ lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	VNU(*)	2023-2029
16	8140101	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	CTĐT trình độ Thạc sĩ Giáo dục học chuyên ngành giáo dục Tiểu học	VNU(*)	2023-2029
17	8460102	Toán giải tích	CTĐT trình độ Thạc sĩ Toán giải tích	VNU(*)	2023-2029
18	7140213	Sư phạm Sinh học	CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Sinh học	VNU(*)	2023-2029
19	7140210	Sư phạm Tin học	CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Tin học	VNU(*)	2023-2029
20	7310630	Việt Nam học	CTĐT trình độ đại học ngành Việt Nam học	VNU(*)	2023-2029
21	7440112	Hóa học	CTĐT trình độ đại học ngành Hóa học	VNU(*)	2023-2029
22	7310501	Địa lý học	CTĐT trình độ đại học ngành Địa lý học	VNU(*)	2023-2029
23	7320101	Báo chí	CTĐT trình độ đại học ngành Báo chí	VNU(*)	2023-2029
24	8310401	Tâm lý học	CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Tâm lý học	VNU(*)	2023-2029
25	7140204	Giáo dục công dân	CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục công dân	VNU(*)	2023-2029
26	7850101	Quản lý tài nguyên & Môi trường	CTĐT trình độ đại học ngành Quản lý tài nguyên & Môi trường	VNU(*)	2023-2029
27	7229040	Văn hóa học	CTĐT trình độ đại học ngành Văn hóa học	VNU(*)	2023-2029

(*) là viết tắt:

AUN-QA: Tổ chức Bảo đảm chất lượng của Mạng lưới các trường đại học ASEAN.

VCEA: Trung tâm kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Vinh

VNU: Trung tâm kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội.

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo⁷

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Quy mô đào tạo	12.863	11.514
2	Số lượng nhập học mới	3.620	3.423
3	Số lượng tốt nghiệp	3.581	3.308
4	Tỉ lệ nhập học so với kế hoạch	87,5%	83,0%
5	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	80,3%	74,7%
6	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	11,8%	12,0%
7	Tỉ lệ thôi học	3,27%	3,75%
8	Tỉ lệ thôi học năm đầu	3,36%	3,64%
9	Tỉ lệ tốt nghiệp (trong thời gian không quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn)	93,8%	85,0%
10	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (trong thời gian tiêu chuẩn)	64,8%	55,0%
11	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	93,2%	88,4%
12	Tỉ lệ tốt nghiệp hài lòng tổng thể	89,4%	87,1%
13	Tỉ lệ tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	95,7%	90,0%

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ⁸
I	Đại học				
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên				
1.1	Chính quy	6087	1506	990	89.8%
1.2	Vừa làm vừa học	1275	157	393	100%
1.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
2	Lĩnh vực Khoa học sự sống				
2.1	Chính quy	122	38	7	100%
2.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
2.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
3	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên				
3.1	Chính quy	215	46	20	89.3%
3.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
3.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
4	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin				
4.1	Chính quy	919	221	140	80.5%

⁷ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 5 (tuyển sinh và đào tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành kèm theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT.

⁸ Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng đúng chuyên môn đối với người tốt nghiệp đại học

4.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
4.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
5	Lĩnh vực Nhân văn				
5.1	Chính quy	638	189	41	84.6%
5.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
5.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
6	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi				
6.1	Chính quy	1214	304	237	91.2%
6.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
6.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
7	Lĩnh vực Báo chí và thông tin				
7.1	Chính quy	601	124	104	80.3%
7.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
7.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
8	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội				
8.1	Chính quy	202	71	27	90.9%
8.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
8.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
9	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường				
9.1	Chính quy	77	11	6	81.3%
9.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
9.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
10	Lĩnh vực Kỹ thuật				
10.1	Chính quy	41	20	0	0%
10.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
10.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
11	Lĩnh vực Toán và thống kê				
10.1	Chính quy	31	0	0	0%
10.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
10.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên				
1.1	Chính quy	866	406	179	100%
1.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
1.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
2	Lĩnh vực Khoa học sự sống				
2.1	Chính quy	14	8	10	100%
2.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%

2.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
3	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên				
3.1	Chính quy	46	10	30	100%
3.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
3.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
4	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin				
4.1	Chính quy	8	0	0	100%
4.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
4.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
5	Lĩnh vực Nhân văn				
5.1	Chính quy	106	36	25	100%
5.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
5.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
6	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi				
6.1	Chính quy	176	59	13	100%
6.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
6.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
7	Lĩnh vực Báo chí và thông tin				
7.1	Chính quy	0	0	0	0%
7.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
7.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
8	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội				
8.1	Chính quy	0	0	0	0%
8.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
8.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
9	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường				
9.1	Chính quy	8	0	5	100%
9.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
9.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
10	Lĩnh vực Kỹ thuật				
10.1	Chính quy	0	0	0	0%
10.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
10.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
11	Lĩnh vực Toán và thống kê				
11.1	Chính quy	170	54	37	100%
11.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
11.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
III	Tiến sĩ				

1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên				
1.1	Chính quy	18	8	1	100%
1.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
1.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
2	Lĩnh vực Khoa học sự sống				
2.1	Chính quy	7	2	0	100%
2.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
2.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
3	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên				
3.1	Chính quy	1	0	0	100%
3.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
3.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
4	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin				
4.1	Chính quy	3	0	0	100%
4.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
4.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
5	Lĩnh vực Nhân văn				
5.1	Chính quy	14	3	4	100%
5.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
5.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
6	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi				
6.1	Chính quy	0	0	0	0%
6.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
6.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
7	Lĩnh vực Báo chí và thông tin				
7.1	Chính quy	0	0	0	0%
7.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
7.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
8	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội				
8.1	Chính quy	0	0	0	0%
8.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
8.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
9	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường				
9.1	Chính quy	0	0	0	0%
9.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
9.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
10	Lĩnh vực Kỹ thuật				
10.1	Chính quy	0	0	0	0%

10.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
10.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%
11	Lĩnh vực Toán và thống kê				
11.1	Chính quy	4	1	0	100%
11.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	0%
11.3	Đào tạo từ xa	0	0	0	0%

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ trọng thu khoa học - công nghệ		
2	Số công bố khoa học/giảng viên	330/354	302/354
3	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	134/354	116/354

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm 2024
1	Đề tài cấp Nhà nước	3	2 tỷ 826 triệu đồng
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	10	3 tỷ 814 triệu đồng
3	Đề tài cấp cơ sở	20	670 triệu đồng
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	2	720 triệu đồng
5	Đề tài hợp tác quốc tế	2	355 triệu đồng
Tổng số			

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2024	Năm 2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	330	302
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	134	116
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế		
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	02	0
6	Kết quả chuyển giao tri thức, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp (nếu có)	0	0

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

⁹ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 6 (nghiên cứu và đổi mới sáng tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT

4. Danh sách nhiệm vụ khoa học công nghệ¹⁰

TT	Tên, mã	Cấp quản lý	Người chủ trì	Thành viên tham gia	Đối tác trong nước/ quốc tế	Thời gian thực hiện (từ-đến)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Tóm tắt kết quả	Sản phẩm	Tình trạng
1	106.99-2023.84	Quỹ Nafosted	Nguyễn Văn An			2024-2026	900		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín	Đang thực hiện
2	101.04-2023.49	Quỹ Nafosted	Trương Công Quỳnh			2024-2026	1060		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín	Đang thực hiện
3	504.05-2023.19	Quỹ Nafosted	Lê Thị Lâm			2024-2026	866		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín	Đang thực hiện
4	B2024.DNA.01	Bộ	ThS. Lê Thị Hằng			2024-2025	330		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín - Đào tạo ThS.	Đang thực hiện
5	B2024.DNA.05	Bộ	ThS. Lê Thị Phương Thảo			2024-2025	600		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín - Đào tạo ThS.	Đang thực hiện
6	B2024.DNA.11	Bộ	TS. Đoàn Chí Cường			2024-2025	680		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín - Đào tạo ThS.	Đang thực hiện
7	B2024.DNA.15	Bộ	TS. Trương Anh Thuận			2024-2025	300		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín - Đào tạo ThS.	Đang thực hiện
8	B2024.DNA.22	Bộ	TS. Đỗ Thị Thúy Vân			2024-2025	650		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín - Đào tạo ThS.	Đang thực hiện

¹⁰ Công khai theo Điểm a Khoản 3 Điều 7

9	B2024.CTT.09	Bộ	TS. Nguyễn Thị Hà Phương			2024-2025	400		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín - Đào tạo ThS.	Đang thực hiện
10	B2024. CTT.04	Bộ	TS. Chử Văn Tiệp			2024-2025	400		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín - Đào tạo ThS.	Đang thực hiện
11	B2024-DN03-09	ĐHĐN	Nguyễn Đình Chương			2024-2025	164		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín - Đào tạo ThS.	Đang thực hiện
12	B2024-DN03-10	ĐHĐN	Phạm Thị Kiều Duyên			2024-2025	180		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín - Đào tạo ThS.	Đang thực hiện
13	B2024-DN03-11	ĐHĐN	Trần Văn Hưng			2024-2025	164		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín - Đào tạo ThS.	Đang thực hiện
14	05/HĐ-SKHCN	Thành phố	Nguyễn Thị Tường Vi			2024-2026	1.419		- Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín - Đào tạo ThS.	Đang thực hiện
15	T2024-TN-01	Cơ sở	Nguyễn Thị Diệu			2024-2025	35		Bài báo đăng tạp chí trong nước	Đang thực hiện
16	T2024-TN-02	Cơ sở	ThS. Đặng Thị Thuỳ Dương			2024-2025	35		Bài báo đăng tạp chí trong nước	Đang thực hiện
17	T2024-TN-03	Cơ sở	Hồ Thanh Hải			2024-2025	35		Bài báo đăng tạp chí trong nước	Đang thực hiện
18	T2024-TN-04	Cơ sở	Tô Văn Hạnh			2024-2025	35		Bài báo đăng tạp chí trong nước	Đang thực hiện
19	T2024-TN-05	Cơ sở	TS. Chu Đình Kiên			2024-2025	35			Thanh lý
20	T2024-TN-06	Cơ sở	ThS. Mai Thị Cẩm Nhung			2024-2025	35		Bài báo đăng tạp chí trong nước	Đã nghiệm thu

21	T2024-TN-07	Cơ sở	TS. Trần Thị Ánh Nguyệt			2024-2025	35		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đang thực hiện
22	T2024-TN-08	Cơ sở	Nguyễn Thị Sinh			2024-2025	35		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đang thực hiện
23	T2024-TN-09	Cơ sở	TS. Nguyễn Phú Thắng			2024-2025	35		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đã nghiệm thu
24	T2024-TN-10	Cơ sở	ThS. Võ Thị Bích Thủy			2024-2025	35		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đã nghiệm thu
25	T2024-UD-11	Cơ sở	Nguyễn Thị Bích Hằng			2024-2025	100		Bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín. Và Sản phẩm ứng dụng	Đang thực hiện
26	T2024-KN-12	Cơ sở	Thái Đình Dũng			2024-2025	20		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đang thực hiện
27	T2024-KN-13	Cơ sở	ThS. Lê Hưng Tiến			2024-2025	20		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đang thực hiện
28	T2024-KN-14	Cơ sở	TS. Nguyễn Lê Trâm			2024-2025	20		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đang thực hiện
29	T2024-KN-15	Cơ sở	ThS. Nguyễn Thanh Tuấn			2024-2025	20		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đang thực hiện
30	T2024-KN-16	Cơ sở	Đinh Thị Ngân Thương			2024-2025	20		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đã nghiệm thu
31	T2024-KN-17	Cơ sở	TS. Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên			2024-2025	20		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đã nghiệm thu

32	T2024-KN-18	Cơ sở	Nguyễn Thị Hồng Yên			2024-2025	20		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đang thực hiện
33	T2024-PGS-19	Cơ sở	Nguyễn Thị Thu Hồng			2024-2025	50		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đang thực hiện
34	T2024-LK-20	Cơ sở	Nguyễn Minh Lý			2024-2025	30		Bài báo đăng tạo chí trong nước	Đã nghiệm thu
35	72044021CA00003	Thuộc Dự án	Võ Văn Minh			2024	177		Tài liệu dạy học và bài báo khoa học	Đã nghiệm thu
36	72044021CA00003	Thuộc Dự án	Bùi Thị Thanh Diệu			2024	177		Tài liệu dạy học và bài báo khoa học	Đã nghiệm thu
37	VINIF.2024.STS.57		TS. Bùi Thị Thơ		Vingroup	2024-2025	360		Bài báo khoa học	Đang thực hiện
38	VINIF.2024.STS.47		Đoàn Thị Lưu Luyện		Vingroup	2024-2025	360		Bài báo khoa học	Đang thực hiện

(Ghi chú: Danh sách nhiệm vụ khoa học công nghệ gồm dự án, đề tài hoặc nhiệm vụ khoa học công nghệ...; Số liệu tính đến hết ngày 30 tháng 6 hằng năm)

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo	Tỷ lệ tăng/giảm giữa các năm
1	Biên độ hoạt động trung bình 03 năm	16,59%	16,06%	0,53%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	30,21%	19,61%	10,60%

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

2. Mức thu học phí, lệ phí¹¹

TT	Nội dung	Năm 2024 (triệu đồng)	Năm 2023 (triệu đồng)	Dự kiến cho từng năm học tiếp theo		
				Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
1	Tiến sĩ					
	Khối ngành I	32.85	27.2	37.05	41.75	46.54
	Khối ngành IV	35.45	31.05	39.9	44.95	50.18
	Khối ngành V	38.15	32.05	43.1	48.65	54.34
	Khối ngành VII	33.00	26.70	39.40	44.45	49.56
2	Thạc sĩ					
	Khối ngành I	19.71	16.32	22.23	25.05	27.924
	Khối ngành IV	21.27	18.63	23.94	26.97	30.108
	Khối ngành V	22.89	19.23	25.86	29.19	32.604
	Khối ngành VII	19.80	16.02	23.64	26.67	29.74
3	Đại học					
	Khối ngành I	13.14	10.88	14.82	16.70	18.62
	Khối ngành IV	14.18	12.42	15.96	17.98	20.072
	Khối ngành V	15.26	12.82	17.24	19.46	21.736
	Khối ngành VII	13.20	10.68	15.76	17.78	19.82

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

3. Kết quả thu chi hoạt động

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	2024	2023	2022
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	195.82	177.16	137.10
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	16.64	17.06	17.50
II	Thu giáo dục và đào tạo	156.43	153.44	113.86
1	Học phí, lệ phí từ người học	84.49	98.58	71.21
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	71.94	54.86	42.65
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0.00		
4	Thu khác	0.00		
III	Thu khoa học và công nghệ	9.86	3.68	3.17
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	4.53	3.48	3.17
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0.83	0.20	

¹¹ Công khai theo Khoản 2 Điều 5

3	Thu khác	4.50	0.00	
IV	Thu nhập khác (thu nhập ròng)	12.90	2.98	2.57
	Tổng nguồn thu học phí và hỗ trợ chi thường xuyên	101.13	115.64	88.71
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	161.22	151.35	113.05
I	Chi lương, thu nhập	78.37	82.77	65.79
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	63.73	67.97	54.38
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	14.64	14.80	11.41
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	60.38	60.84	42.78
1	Chi cho đào tạo	22.81	16.39	11.41
2	Chi cho nghiên cứu	14.78	10.30	7.94
3	Chi cho phát triển đội ngũ	4.22	4.16	3.15
4	Chi phí chung và chi khác	18.57	29.99	20.28
III	Chi hỗ trợ người học	16.01	7.74	4.48
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	11.68	6.64	3.13
2	Chi hoạt động nghiên cứu	3.44	1.10	1.35
3	Chi hoạt động khác	0.89		
IV	Chi khác	6.47		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	34.61	25.81	24.05
	Chênh lệch thu chi/Tổng thu	34.2%	14.6%	17.5%

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

4. Kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học¹²

TT	Nội dung	2024 (triệu đồng)	2023 (triệu đồng)
I	Đại học		
1	Trợ cấp	41,120	71
2	Miễn, giảm học phí	2.028,072	475
3	Học bổng	6.641,617.715	5.710,957.746
II	Thạc sĩ		
1	Trợ cấp	0	0
2	Miễn, giảm học phí	0	0
3	Học bổng		
III	Tiến sĩ		
1	Trợ cấp	0	0
2	Miễn, giảm học phí	0	0
3	Học bổng		

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

¹² Công khai theo Khoản 3 Điều 5

5. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)¹³

TT	Nội dung	Năm 2024 (triệu đồng)	Năm 2023 (triệu đồng)
1	Quỹ Hỗ trợ phát triển Trường ĐHSP	34,449.19	29,721.61
2	Quỹ hỗ trợ sinh viên	5,437.63	3,386.09
3	Quỹ Phát triển tiềm lực KHCN	711.68	2,120.46
4	Quỹ khen thưởng	1,774.48	1,324.21
5	Quỹ phúc lợi	4,428.55	2,032.05
6	Quỹ bổ sung thu nhập	8,504.79	5,625.52

(Ghi chú: Số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm)

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Tuyển sinh

- Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác quảng bá tuyển sinh các trình độ đa dạng về hình thức như: chương trình tư vấn hướng nghiệp tại các địa phương; thu thập dữ liệu thí sinh quan tâm; lập Tổ tư vấn trực tiếp dựa trên dữ liệu thu thập; cập nhật nội dung website tuyển sinh, thường xuyên cập nhật tin bài liên quan đến tuyển sinh và ngành nghề đào tạo; xây dựng phân hệ hướng nghiệp và trải nghiệm nghề nghiệp để hỗ trợ, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh; tư vấn cho sinh viên tốt nghiệp học chuyển tiếp sau đại học...

- Đối với các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, Nhà trường đã chủ trì xây dựng hồ sơ đặt hàng, đấu thầu, phối hợp với các đơn vị tham mưu trong công tác đấu thầu đào tạo và bồi dưỡng góp phần lớn vào kết quả công tác tuyển sinh chung của Nhà trường; chuyển đổi linh hoạt giữa các phương thức giảng dạy giúp cho các hoạt động giảng dạy, bồi dưỡng của Nhà trường đảm bảo tiến độ.

2. Đào tạo

* Đào tạo trong nước

Nhà trường đã mở mới 01 ngành tiến sĩ, 01 ngành thạc sĩ và 03 ngành đại học; ban hành 05 quy định và 27 quy trình phục vụ công tác đào tạo; triển khai rà soát, cập nhật các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn đáp ứng chương trình phổ thông năm 2018 và nhu cầu xã hội như: 02 chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ thường xuyên, 05 chương trình bồi dưỡng theo đặt hàng của địa phương.

* Đào tạo quốc tế

- Trường thực hiện tuyển sinh, thu hút sinh viên quốc tế đến học tập các chương trình chuyên ngành (đại học, thạc sĩ và tiến sĩ), chương trình ngắn hạn (học tiếng Việt dự bị, tiếng Việt giao tiếp, văn hoá Việt Nam, trao đổi 3+1, 7+1 và thực tập sư phạm).

- Trường đã đưa vào tuyển sinh 03 chương trình tuyển sinh mới có yếu tố quốc tế là: Chương trình bồi dưỡng giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ (34 học viên), Chương trình bồi dưỡng Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài và Chương trình trao đổi với Trường Đại học Udon Thani Rajabhat - Thái Lan (87 sinh viên tham gia).

3. Đảm bảo chất lượng

- Thực hiện rà soát, đánh giá tất cả chương trình đào tạo bậc đại học và sau đại học của Trường ĐHSP - ĐHQĐN và triển khai các hoạt động giám sát chương trình đào tạo với Dự án PHER.

- Thực hiện tốt công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về các hoạt động của Trường.

- Thực hiện báo cáo giữa chu kỳ 03 CTĐT (Giáo dục tiểu học, Giáo dục chính trị, Sư phạm Lịch sử) và triển khai thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng sau 01 năm được công nhận đối với 09 CTĐT đã được đánh giá ngoài trong năm học 2023 - 2024.

- Ban hành các quy định về công tác bảo đảm chất lượng và khảo thí.

4. Nghiên cứu khoa học

* Đối với giảng viên

- Trong năm 2024, giảng viên của Nhà trường cũng đã hoàn thành tốt nhiều nhiệm vụ khoa học các cấp, cũng như hoàn thành các giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo¹⁴.

- Chủ trì và phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước, tổ chức thành công 06 hội thảo khoa học quốc gia và 02 hội thảo khoa học quốc tế¹⁵.

- Ngoài ra, Nhà trường cũng phối hợp với các đối tác tổ chức nhiều hội thảo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiên cứu cho giảng viên, sinh viên của Trường¹⁶. Kết quả của các hội thảo là thực hiện chức năng là một kênh thảo luận, tư vấn chính sách và công bố nhiều kết quả nghiên cứu mới trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Từ đó, góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu Nhà trường trong cộng đồng. Tổ chức khen thưởng hoạt động khoa học công nghệ cho 50 giảng viên với tổng tiền thưởng là 457,730 triệu đồng.

* Đối với sinh viên

Năm 2024, Nhà trường có 162 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên được thực hiện và đạt được nhiều giải thưởng danh giá các cấp. Số lượng và chất lượng đã được tăng so với năm 2023.

Kết quả của các giải thưởng các cấp đã minh chứng cho sự chất lượng về đề tài cũng như sự đầu tư trong hoạt động khoa học và công nghệ của sinh viên Nhà trường.

5. Hợp tác quốc tế

* Hợp tác trong nước

¹⁴ Chủ nhiệm thực hiện mới 03 đề tài do Quỹ Nafosted tài trợ (2,836 tỷ đồng); 07 đề tài cấp Bộ (3,430 tỷ đồng); 01 đề tài cấp thành phố (1,419 đồng); 03 đề tài cấp ĐHQĐN (508 triệu đồng) và 20 đề tài cấp Trường (670 triệu đồng).

- Nghiệm thu 10 giáo trình, phê duyệt đưa vào biên soạn 17 giáo trình, tổ chức xuất bản 13 giáo trình theo hình thức xuất bản điện tử (kinh phí 127 triệu đồng), công nhận 15 tài liệu học tập làm tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy tại Nhà trường.

¹⁵ Hội thảo Trường Xuân về hệ động lực và Hội thảo quốc tế về Hệ động lực và các chủ đề liên quan năm 2024; Hội thảo Khoa học Quốc gia: “Di sản nghệ thuật Việt Nam: Bảo tồn và phát huy”; Hội nghị Sử học toàn quốc năm 2023: “Chủ quyền quốc gia trong lịch sử Việt Nam; Hội thảo Duy Xuyên trong tiến trình lịch sử dân tộc; Hội thảo Bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên lần thứ V, chủ đề “Bảo tồn biển”; Hội nghị Sinh viên về Bảo tồn thiên nhiên 2024; Hội nghị Vật lý miền Trung năm 2024; Ngôn ngữ học ứng dụng trong xu hướng toàn cầu hóa.

¹⁶ Hội nghị Sinh viên về Bảo tồn thiên nhiên 2024 (tháng 8/2024); Hội thảo: “Nâng cao năng lực xây dựng đề xuất đề tài khoa học và công nghệ của thành phố Đà Nẵng và Quỹ Nafosted” (tháng 9/2024); Hội thảo: “Đại học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực tiễn thế giới và gợi ý cho Việt Nam” (tháng 10/2024), ...

Ký mới 07 MOU và 01 MOA với các đối tác trong nước trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Trên cơ sở các biên bản hợp tác mới, sẽ tạo thêm cơ hội cho việc nâng cao chất lượng đào tạo người học, vị thế và uy tín của Nhà trường.

** Hợp tác quốc tế*

Năm 2024, Trường đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ trong lĩnh vực hợp tác và phát triển đối tác quốc tế như:

- Trường đã ký mới 08 MOU/MOA với các đối tác từ Trung Quốc, Thái Lan và Nhật Bản trong phát triển các chương trình thực tập, trao đổi sinh viên, hợp tác trong nghiên cứu khoa học và trao đổi giảng viên.

- Trường đón tiếp 31 đoàn khách quốc tế, từ 14 quốc gia khác nhau trên thế giới đến trao đổi, làm việc.

- Trường đã cử 03 đoàn thăm và làm việc với các đối tác đến Trung Quốc, Ấn Độ và Thái Lan để tăng cường kết nối, ký kết hợp tác và đạt được các hợp tác giữa Nhà trường với các đối tác¹⁷.

- Trường đã thu hút sinh viên quốc tế từ 24 quốc gia, trong đó 45% từ các quốc gia châu Âu học tập các chương trình tiếng ngắn hạn và dài hạn¹⁸. Bên cạnh đó, Nhiều học viên, sinh viên của Trường cũng tham gia các chương trình trao đổi tại các trường đại học đối tác¹⁹.

- Trường đang triển khai xây dựng văn kiện và thực hiện các hoạt động trong dự án “Thúc đẩy âm nhạc các trường đại học Việt Nam (VIETMUS)”. Đồng thời, Trường phối hợp với các đối tác Đức, Phần Lan, Việt Nam đã nộp hồ sơ Dự án về hợp tác giáo dục ASEAN-EU.

- Hoàn thành 02 đề tài khoa học quốc tế thuộc dự án PHER tài trợ cho nhóm nghiên cứu về Môi trường và Giáo dục.

- Bên cạnh các hoạt động chính, thì Nhà trường còn tham gia tổ chức nhiều sự kiện có yếu tố quốc tế khác²⁰.

Trường ĐHSP-ĐHĐN luôn chú trọng và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác đại học, doanh nghiệp như một giải pháp nhằm nâng cao uy tín, vị thế của đơn vị và tạo cơ hội cho viên chức và người học có thêm cơ hội học hỏi, phát triển và tìm kiếm cơ hội

¹⁷ Tham dự Tuần lễ Hợp tác Giáo dục ASEAN-Trung Quốc và trao đổi hợp tác chương trình 3+1+2 tại Trường Đại học Dân tộc Quý Châu (Trung Quốc); trao đổi và ký kết hợp tác với Trường Đại học Udon Thani Rajabhat (Thái Lan); tham gia đào tạo trong chương trình học bổng của chính phủ Ấn Độ về bồi dưỡng nguồn nhân lực.

¹⁸ Trường tiếp nhận 43 sinh viên/học viên quốc tế theo chương trình liên kết với các đối tác, cụ thể: Chương trình 3+1 với Trường Đại học Dân tộc Quý Châu (Trung Quốc), 7+1 với Trường Đại học Palacky Olomouc (Séc), 5+1 Với Trường Đại học Sư phạm Văn Nam (Trung Quốc), thực tập sư phạm với Đại học Calagary (Canada) và Đại học Odisee (Bi).

¹⁹ 01 HV tham gia Chương trình trao đổi học thuật tại Đại học Laval (Canada), 03 SV tham gia Chương trình trại hè năm 2024 tại Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Minh Chí, Đài Loan (Trung Quốc), 02 SV tham gia Chương trình trao đổi con đường Tơ Lụa tại Trường Đại học Dân tộc Quý Châu (Trung Quốc), 01 sinh viên tham gia Trại hè Đổi mới sáng tạo của Đại học Thaksin (Thái Lan).

²⁰ Chương trình giao lưu với giảng viên và sinh viên Trường Đại học Shokei Gakuin (Nhật Bản); Tổ chức 04 lớp tiếng Anh miễn phí cho sinh viên Nhà trường do sinh viên tham gia chương trình trao đổi thực tập của Trường Đại học Odisee, Bỉ giảng dạy; Phối hợp tổ chức các chương trình “Ngày hội Văn hoá Việt - Lào”; Chương trình giao lưu văn hoá Việt - Lào với chủ đề “Người mẹ thứ hai”; Chương trình một sinh viên quốc tế có một người bạn Việt Nam, Chương trình Ngày hội Sinh viên quốc tế; tham gia và đạt giải Ba tập thể và giải Thuyết trình xuất sắc tại Cuộc thi Hán ngữ Sinh viên Thế giới khu vực phía Nam.

việc làm; phối hợp triển khai 02 kỳ thi đánh giá năng lực với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; Tổ chức Hội nghị Công tác sinh viên các trường sư phạm toàn quốc; Tổ chức Ngày hội việc làm năm 2024 với sự tham gia của 36 doanh nghiệp và Hội nghị hợp tác doanh nghiệp trong đào tạo, thực tập và cung ứng nguồn nhân lực.

Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động trong hợp tác với doanh nghiệp trang bị kỹ năng và tổ chức các hoạt động hỗ trợ sinh viên: tổ chức chương trình đào tạo kỹ năng cho sinh viên khóa tuyển sinh 2020 và 2021 với chủ đề: “Chinh phục nhà tuyển dụng - thích ứng môi trường doanh nghiệp; kinh nghiệm của chuyên gia Nhật Bản và thực tiễn Việt Nam”; Tổ chức các lớp học tiếng Anh miễn phí theo gói học bổng tiếng Anh chuẩn đầu ra cho sinh viên Nhà trường với 98 sinh viên nhận học bổng.

6. Tạp chí xuất bản

Trong năm học 2023 - 2024, GV toàn Trường đã công bố 134 bài báo khoa học thuộc danh mục WoS/Scopus, 436 bài báo khoa học công bố trên các tạp chí, ấn phẩm trong nước và quốc tế khác. Từ đó, tỉ lệ công bố khoa học trên các tạp chí cũng đạt mức cao và liên tục tăng qua những năm qua đạt tỉ lệ 0,52/GV đối với bài báo WoS/Scopus và 2,2/giảng viên đối với các loại công bố nói chung. Tỉ lệ này đã vượt yêu cầu theo cơ sở giáo dục của Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT (tỉ lệ $\geq 0,6$ /GV đối với các loại công bố và $\geq 0,3$ đối với bài báo WoS/Scopus).

7. Tổ chức nhân sự

Nhà trường thực hiện tốt công tác quy hoạch, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo quản lý²¹; thực hiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo các cấp của các đơn vị nhiệm kì 2020 - 2025 và 2025 - 2030.

Nhà trường đã xây dựng Đề án Vị trí việc làm; kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự các Phòng chức năng, Trung tâm thuộc Trường.

Rà soát, cập nhật, ban hành mới “Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Trường ĐHSP-ĐHĐN”, “Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh giáo sư, phó giáo sư của Trường ĐHSP-ĐHĐN”, sửa đổi, bổ sung “Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường”.

8. Truyền thông

Hoạt động truyền thông được triển khai đồng bộ, bài bản, hiệu quả. Tạo được những dấu ấn riêng và đạt được nhiều hiệu quả tích cực, đặc biệt trong việc quảng bá thương hiệu Nhà trường và phục vụ công tác tuyển sinh.

Xây dựng được mối quan hệ thường xuyên với khoảng 10 cơ quan báo, đài trung ương và địa phương, trong đó có các báo ngành: Giáo dục Thời đại, Tạp chí Giáo dục...

Phối hợp và thông qua báo chí để quảng bá hình ảnh của Nhà trường (mời báo chí đưa

²¹ Bổ nhiệm mới 01 Phó Chủ tịch Hội đồng trường, 01 Phó Hiệu trưởng, 06 Trưởng khoa (Khoa Vật lý, Hóa học, Sinh - MT, Lịch sử, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Tiểu học), 04 Phó Trưởng khoa (Khoa Hóa học, Sinh - MT, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non), 04 Trưởng phòng (Phòng Hành chính, Tổ chức, Đào tạo, Khoa học và Hợp tác quốc tế), 02 Giám đốc Trung tâm (Trung tâm Học liệu & CNTT và Trung tâm Tin học); 01 Phó Trưởng Phòng (Phòng Tổ chức). Bổ nhiệm lại 01 Phó Trưởng khoa (Khoa Tâm lý - Giáo dục), 04 Phó Trưởng phòng (Phòng Hành chính, Phòng Tổ chức, Phòng Đào tạo, Phòng Cơ sở vật chất) và 01 Phó Giám đốc Trung tâm Học liệu và CNTT.

tin các hoạt động, sự kiện của Trường; chủ động viết tin, bài, cung cấp thông tin về Trường cho báo chí; hỗ trợ báo chí thực hiện các bài viết, phóng sự truyền hình liên quan; kết nối giới thiệu cho báo chí người có kiến thức chuyên môn tham gia trả lời phỏng vấn các vấn đề liên quan....); năm 2024, số lượt tin bài, phóng sự truyền hình nhắc đến Trường trên báo chí xuất hiện khá dày. Thống kê, đến hiện tại đã có khoảng gần 400 lượt tin bài liên quan đến Trường.

Hoạt động truyền thông nội bộ có nhiều đổi mới ấn tượng và hiệu quả với nhiều ấn phẩm truyền thông nổi bật, góp phần quảng bá hình ảnh Nhà trường và khơi dậy niềm tự hào trong các thế hệ viên chức, người học UED (điển hình là những bộ ảnh về Trường đã tạo hiệu ứng rất tốt trên mạng xã hội); newsletter, kênh truyền hình UED-TV, tờ báo UED news đã bước đầu đi vào hoạt động.

Hoàn thành hệ thống ghi hình trường quay ảo phục vụ việc xây dựng bài giảng điện tử cho cán bộ giảng viên và hỗ trợ thực hành cho giảng viên, sinh viên báo chí.

9. Hành chính

Rà soát điều chỉnh các chức năng, phân hệ của hệ thống thông tin tích hợp (QLHT). bổ sung 03 phân hệ mới: quản lý điểm danh giảng dạy, sinh viên thực tập, xét chuẩn đầu ra. các hoạt động quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học về cơ bản đã được thực hiện trên hệ phần mềm. Duy trì và phát triển mới các hệ thống đào tạo trực tuyến²². Ban hành quy định về chữ ký số và chứng thư số.

10. Cơ sở vật chất

Nhà trường đã thực hiện lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết để trình Bộ GD&ĐT phê duyệt và đấu giá thành công. Được Bộ GD&ĐT phê duyệt kế hoạch đầu tư sửa chữa Nhà B3 (15 tỷ), ký túc xá 1 và 2 (15 tỷ), chuẩn bị đầu tư Nhà B4 (200 tỷ);

Nhà trường đã tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất với một số hạng mục cụ thể như: chống xuống cấp ký túc xá cho sinh viên quốc tế; chống thấm và lắp đặt thang máy nhà A6; cải tạo và sắp xếp các văn phòng đơn vị; cải tạo chống xuống cấp Nhà A, A2, C3, C4; chỉnh trang cảnh quan sân vườn Nhà A6, thư viện, tường rào và cổng; cải tạo khu vực tự học tầng mái A6; điều hòa và thiết bị thực hành dùng chung. Các hạng mục tập trung đầu tư đúng mục đích và có hiệu quả sử dụng cao.

11. Kế hoạch - Tài chính

Cân đối, phân bổ hợp lý nguồn kinh phí của Trường qua công tác lập kế hoạch Tài chính hằng năm. Xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước, thực hiện rà soát nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ chính sách của người học đảm bảo được nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp đủ về Trường.

Mở rộng liên kết với các địa phương trong bồi dưỡng ngắn hạn từ nguồn ngân sách các địa phương. Năm 2024 ngoài các địa phương truyền thống, Nhà trường còn mở rộng hợp tác với nhiều địa phương mới như Quảng Nam, Bình Phước, Cà Mau, Bình Định, Hậu Giang. Nguồn thu dịch vụ ngắn hạn từ nguồn ngân sách các địa phương tăng trưởng liên tục qua các năm. Hoàn thành tốt các đợt thanh tra, kiểm tra về thanh quyết toán của Kiểm toán Nhà nước, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Ban Kế hoạch -

²² Sau đại học: sdh.ued.udn.vn; Đại học chính quy: bln.ued.udn.vn; Vừa làm vừa học và ngắn hạn: dtt.ued.udn.vn, Đánh giá trực tuyến: tms.ued.udn.vn; xây dựng hai hệ thống mới phục vụ cho kế hoạch và lộ trình đào tạo trực tuyến 30% hệ đại học chính quy (lcms.ued.udn.vn) và bồi dưỡng thường xuyên (bdtx.ued.udn.vn).

Tài chính,....

12. Thanh tra - pháp chế

Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân được triển khai thường xuyên, nghiêm túc và đúng quy định, nhờ vậy đã nhanh chóng giải quyết thỏa đáng tâm tư, nguyện vọng của viên chức, người lao động, phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh. Đến nay Nhà trường chưa có đơn thư phản ánh, khiếu kiện nào.

Thành lập và tham gia đoàn kiểm tra kỳ thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông năm 2024 tại Quảng Nam; thực hiện nghiêm túc các cuộc thanh tra, kiểm tra nội bộ. Trong năm 2024, Trường đã tổ chức 08 đợt kiểm tra, giám sát đã kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế để có giải pháp khắc phục, nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị. Đồng thời, Nhà trường cũng đã ban hành quy trình tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo của Trường.

Trên đây là nội dung Báo cáo công khai hoạt động của Trường ĐHSP-ĐHĐN năm 2025./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Đại học Đà Nẵng (để báo cáo);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Lưu: VT, KT-BĐCL.

HIỆU TRƯỞNG